

Số: 816/TB-TrTHCS

Hưng Đạo, ngày 06 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

**Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục của nhà trường
Về thông tin kết quả giáo dục thực tế năm học 2023-2024**

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Thông tin chung:					
1	Kết quả tuyển sinh	479	145	113	110	114
2	Tổng số học sinh theo từng khối	475	141	113	108	113
3	Số HS bình quân/lớp theo từng khối		47	37,6	36	38
4	Số lượng HS học 02 buổi/ngày	0	0	0	0	0
5	Số lượng HS nam/ HS nữ	256/233	72/70	62/51	56/64	66/48
6	Số HS là người dân tộc thiểu số	1	1	0	0	0
7	Số HS khuyết tật	5	3	1	0	1
8	Số lượng HS chuyển trường và tiếp nhận HS:					
	+ Số lượng HS chuyển đi	8	4	1	1	2
	+ Số lượng HS tiếp nhận chuyển đến	5		2	1	2
II	Thông kê kết quả đánh giá học sinh					
	1. Số HS chia theo Hạnh kiểm/ Rèn luyện					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	470 98.95%	141 100%	112 99.1%	108 100%	109 96.5%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	5 1.05%	0	1 0.88%	0	4 3.54%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
	2. Số HS chia theo Học lực/ Học tập					
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	109 22.95%	39 27.7%	18 15.9%	35 32.4%	17 15.0%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	231 48.63%	74 52.5%	56 49.6%	51 47.2%	50 44.3%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	135 28.42%	28 19.9%	39 34.5%	22 20.4%	46 40.7%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
	3. Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	475	141	113	108	113

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
		100%	100%	100%	100%	100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	7 1.5%	3 2.1%	2 1.8%	2 1.9%	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	102 21.5%	36 25.5%	16 14.3%	33 30.6%	17 15.0%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					50 44.3%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Số lượng HS được công nhận hoàn thành chương trình					
IV	Số lượng HS được cấp bằng tốt nghiệp					
	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	17 15.0%				17 15.0%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	50 44.3%				50 44.3%
	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	46 40.7%				46 40.7%
V	Số lượng HS trúng tuyển vào các CSGD nghề nghiệp (Tỉ lệ/Số học sinh)	31				27,4

Nơi nhận:

- CBGVVN nhà trường;
- Đăng tải Website đơn vị;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thắm